

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **523/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/11/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huyền Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Minh

2. Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T – thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T – Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Sơn Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T – Thành phố H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 463/2021/TLST – HNGĐ ngày 15/7/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà N, sinh năm 1990

HKTT: Số xxx N, thành phố H, tỉnh H

Nơi ở: Số xxx, ngõ xxx N, phường T, quận C, H.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Trần Đoàn D, sinh năm 1990

HKTT: Số xxx N, thành phố H, tỉnh H

Nơi ở trước khi bị bắt: Phòng xxx chung cư viện bóng L, tổ dân phố số xxx, Y, xã T, huyện T, H

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số xxx – Công an Thành phố H

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 30/3/2021, được bổ sung bản tự khai ngày 20/7/2021, **nguyên đơn - chị Hà N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đoàn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh H vào ngày 20/10/2016. Cả hai cùng kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phòng xxx chung cư viện bóng L, tổ dân phố số xxx, Y, xã T, huyện T, H là nhà bố mẹ anh D. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Hai bên thường xuyên cãi cãi vã làm cho cuộc sống căng thẳng mệt mỏi, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Đến khoảng tháng 4/2020, vợ chồng sống ly thân và chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống. Từ đó đến nay, vợ chồng không gặp gỡ nói chuyện với nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh Trần Đoàn D có 01 (Một) con chung là cháu Trần Bảo P, (giới tính: nam), sinh ngày 29/9/2021, sức khỏe của con bình thường và đang ở với chị N. Ly hôn, chị N có nguyện vọng nuôi cháu P và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Trần Đoàn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh H vào ngày 20/10/2016. Cả hai cùng kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phòng xxx chung cư viện bóng L, tổ dân phố số xxx, Y, xã T, huyện T, H. Vợ

chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hai bên không còn tình cảm với nhau do bất đồng quan điểm sống. Anh và chị N đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay và hai bên không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng, không muốn tiếp tục hòa giải. Anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị Hà N có 01 (Một) con chung là cháu Trần Bảo P, sinh ngày 29/9/2021, sức khỏe của con bình thường. Hiện cháu P đang ở với chị N. Ly hôn, anh D đồng ý để chị N nuôi con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 2.500.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Anh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, anh D đang bị tạm giam tại trại tạm giam số xxx – Công an Thành phố H. Anh D không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án theo các giấy báo, thông báo của Tòa án. Do vậy, anh D xin giải quyết, xét xử vắng mặt tại Tòa án.

Tại biên bản làm việc ngày 04/11/2021, Tổ trưởng tổ dân phố số xxx cho biết: Quá trình chung sống tại địa phương, chị N và anh D thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Hiện vợ chồng không sống cùng nhau. Về con chung: Anh chị có 01 con chung, hiện đang sống với chị N. Nay chị N có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và quyết định giao con cho ai nuôi để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu. Về tài sản chung, nhà ở: Chính quyền địa phương không nắm được.

Tại biên bản làm việc ngày 04/11/2021, quan điểm của đại diện Phòng LĐTBXH: Đề nghị Tòa án ghi nhận ý kiến của chị N và anh D, giao cháu P cho chị N nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật hoặc theo ý kiến, yêu cầu, điều kiện kinh tế của các bên.

Tại phiên tòa: Chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh D vì từ năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người mỗi nơi, không gặp gỡ nói chuyện, không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ. Về con chung, chị giữ nguyên ý kiến được

nuôi cháu P, do anh D hiện đang bị tạm giam, không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con nên chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Chị xác nhận không có tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tiến hành tố tụng tại phiên tòa phát biểu: Quá trình Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N chấp hành tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành triệu tập của Tòa án và điều hành của Chủ tọa phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Hà N đối với anh Trần Đoàn D; Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh D; Về tài sản chung, nhà ở, công nợ chung: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú trước khi bị bắt tại Phòng xxx chung cư viện bóng L, tổ dân phố số xxx, Y, xã T, huyện T, H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết, anh D không đến Tòa án giải quyết vụ án theo giấy báo, thông báo của Tòa án do anh đang bị tạm giam tại trại tạm giam số xxx – Công an TP. H. Anh D đã nhận được các văn bản của Tòa án và trình bày quan điểm của anh về việc giải quyết vụ án. Đồng thời, anh D xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án và xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xét xử vắng mặt anh D theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà N và anh Trần Đoàn D kết hôn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh H ngày 20/10/2016. Cả hai cùng kết hôn lần đầu, đây là hôn nhân hợp pháp.

3. Xét yêu cầu ly hôn của chị Ninh: Vợ chồng đã ly thân không quan tâm đến nhau, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Ngoài ra, chị N và anh D đều xác nhận vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, không mong muốn hòa giải. Do đó xác định cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N và anh D đều nhất trí ly hôn nên căn cứ vào Khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh D.

4. Về con chung: Chị Hà N và anh Trần Đoàn D có 01 (Một) con chung là cháu Trần Bảo P, sinh ngày 29/9/20217.

Xét, từ thời gian chị N và anh D sống ly thân mỗi người mỗi nơi, cháu P sống cùng chị N, cuộc sống của cháu đang ổn định và điều kiện sống đảm bảo. Mặt khác, chị N và anh D đều nhất trí để chị N trực tiếp nuôi cháu P. Ý kiến của chị N và anh D là tự nguyện, phù hợp với điều kiện nuôi con của chị N, quan điểm của Phòng LĐTĐBXH; phù hợp với Điều 58; Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận để chị N được trực tiếp nuôi cháu P.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.500.000 đồng/ tháng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung và anh D đang bị tạm giam trại tạm giam số xxx – Công an TP. H, không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh D cho đến khi cháu P đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi về nuôi con.

5. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Chị N và anh D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 19; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016; Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà N đối với anh Trần Đoàn D, chị N được ly hôn anh D.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Bảo P, sinh ngày 29/9/20217 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh D kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nhà ở chung, công nợ chung: Chị N, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2020/0062221 ngày 15/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị N, vắng mặt anh D. Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện T;
 - Chi cục THA huyện T;
 - UBND phường T
- (Giấy CNKH số 59/2016 ngày 20/10/2016);
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Huyền Thu